|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA GIÁO DỤC TH-MN** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục tiểu học** | **Mã số: 7140202** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học** | **1.2. Tên tiếng Anh: Ethics and ethical education methods in elementary schools** |
| **1.3. Mã học phần: MLDDTH.045** | **1.4. Số tín chỉ:** 02 |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 22 tiết |
| - Thực hành: | 8 tiết (8 x 2 = 16 tiết) |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lương Thị Lan Huệ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở Tiểu học bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về đạo đức; Đạo đức học là một khoa học; Vị trí, mục tiêu, đặc điểm môn Đạo đức; Nội dung môn Đạo đức; Phương pháp, phương tiện giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức; Hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức; Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về đạo đức, chương trình môn đạo đức ở tiểu học và các phương pháp, thiết kế bài giảng đạo đức theo định hướng phát triển năng lực học sinh

**2.2.2. Về kỹ năng**

Thông qua nội dung các chương giúp sinh viên hình thành, rèn luyện, phát triển các kỹ năng phân tích chương trình, ỹ năng thiết kế bài giảng, kỹ năng thuyết trình, dẫn dắt vấn đề*,* kỹ năng vận dụng các phương pháp và hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học sau này.

**2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Giáo dục cho người học ý thức sống theo chuẩn mực đạo đức. Bồi đắp tình yêu đối với đạo đức và trách nhiệm, nhiệt huyết của người học trong việc giáo dục và tự giáo dục đạo đức trong cuộc sống hàng ngày để trở thành người thầy giáo có đức có tài, sống giản dị, mẫu mực, làm gương cho học sinh sau này. Đồng thời, nâng cao ý thức vận dụng các phương pháp và hình thức giáo dục đạo đức phù hợp trong quá trình giảng dạy trong tương lai.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Sinh viên ghi nhớ, hiểu được các kiến thức cơ bản về đạo đức, tâm sinh lý học sinh tiểu học, các phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực người học. |
| CLO2 | Sinh viên phân tích, đánh giá được nội dung chương trình môn đạo đức ở tiểu học. Hiểu biết sâu sắc về vị trí, mục tiêu, sự cần thiết của môn đạo đức ở tiểu học, các phương tiện, cách thức kiểm tra, đánh giá môn học. |
| CLO3 | Sinh viên áp dụng được kiến thức đã học, kiến thức liên ngành vào việc nghiên cứu, học tập môn học |
| CLO4 | Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào dạy học thực tiễn. Có kỹ năng thiết kế bài giảng và thực hành giảng dạy tốt. |
| CLO5 | Sinh viên có kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu các nội dung về việc giáo dục đạo đức ở trường tiểu học. |
| CLO6 | Sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt đẹp là tấm gương mẫu mực trong cuộc sống. Yêu thương, tương trợ, tích cực tham gia các hoạt động xã hội. |
| CLO7 | Có ý thức tự chủ, chủ động trong học tập, có tác phong đạo đức nhà giáo. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO2 |  | R |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 | R |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  | R |  |
| CLO6 |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  | R |  |  | M |  |  | M |  | M |  |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R | I | R | M |  | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 5  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6, CL07 | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 10  Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về đạo đức  Chương 2: Đạo đức là một khoa học  Chương 3: Môn Đạo đức ở tiểu học | 30% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4. | Kiểm tra viết (cá nhân)  Thực hành dạy học (cá nhân hoặc nhóm)  - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |
| A2.2. Tuần 14  Chương 4: Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học  Chương 5. Phương pháp, phương tiện dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn đạo đức ở tiểu học | 30% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6, CLO7 |
| Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình (4 chương) |  |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6, CLO7 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình  (3 chương) | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiếtđể đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẠO ĐỨC  1.1 Khái niệm đạo đức  1.2 Chức năng của đạo đức  1.3 Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam | (02LT) | 1.1 - **Hiểu được** sự khác biệt giữa đạo đức và đạo đức học; Nguồn gốc, chức năng của đạo đức.  1.2 **Phân tích được** các phẩm chất đạo đức của con người Việt Nam. | CLO1  CLO2,CL03;CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm  Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thực hành; hỏi đáp, tự học | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước nội dung bài học  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  - Đóng vai giáo viên lên lớp giao tiếp với lớp học (5 phút)/sv |  |
| 2 | 1.3 Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam (tiếp)  CHƯƠNG 2 ĐẠO ĐỨC LÀ MỘT KHOA HỌC  2.1. Đối tượng của Đạo đức học  2.2. Một số phạm trù cơ bản của Đạo đức học | (02LT) | 2.1 **Hiểu biết** đối tượng nghiên cứu của Đạo đức học.  2.2 **Trình bày** được các phạm trù cơ bản của đạo đức | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4; CLO5;  CLO6, CLO7 | Phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình, bài tập nhóm, đàm thoại | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu  Phần chuẩn bị trên lớp:  -Bài tập:  Thuyết trình về một số phạm trù đạo đức học |  |
| 3 | 2.2. Một số phạm trù cơ bản của Đạo đức học (tiếp)  CHƯƠNG 3 MÔN ĐẠO ĐỨC Ở TIỂU HỌC  3.1. Vị trí môn Đạo đức ở tiểu học | (02 LT) | 3.1 **Trình bày, phân tích** được vị trí môn Đạo đức ở tiểu học. | CLO3; CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp quan sát; phân tích; phương pháp hình mẫu; thuyết trình, hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Sách Đạo đức từ lớp 1 đến lớp 5.  - Đọc, nghiên cứu trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, ghi chép, trao đổi, nhận xét phần thực hành của bạn. |  |
| 4 | 3.2. Mục tiêu môn Đạo đức  3.3. Đặc điểm môn Đạo đức  3.4 Nội dung chương trình môn đạo đức ở tiểu học | (2 LT) | 3.2 **Nêu được** mục tiêu chương trình môn Đạo đức ở tiểu học.  3.3, 3.4. **Hiểu** được đặc điểm nội dung môn môn Đạo đức ở tiểu học | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện. | Phần chuẩn bị bài ở nhà:  - Nghiên cứu trước nội dung chương trình môn Đạo đức ở tiểu học  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV chia sẻ thông tin về các nội dung đã nghiên cứu.  - Phân tích, lấy ví dụ minh họa về mục tiêu dạy học môn Đạo đức. | A1.1 |
| 5 | CHƯƠNG 4 PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC Ở TIỂU HỌC  4.1 Giáo dục đạo đức ở Tiểu học  4.2 Các con đường cơ bản của giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học | (02 LT) | 4.1 **Trình bày** được sự cần thiết phải giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học.  **4.2**; **Phân tích**,**vận dụng** giáo dục đạo đức cho học sinh trong môi trường giả định. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Nghiên cứu nội dung chương trình, sách giáo khoa môn Đạo đức.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Bài tập:  Cá nhân sinh viên làm việc độc lập, thiết kế hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học. | A2.1 |
| 6 | 4.3 Phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh Tiểu học | (02 LT) | 4.3 **Hiểu biết** các phương pháp giáo dục đạo đức.  **Vận dụng** các phương pháp giáo dục đạo đức cụ thể. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp đóng vai; trò chơi; thảo luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Chuẩn bị câu chuyện kể về đạo đức..  - Chuẩn bị dụng cụ trục quan, tranh ảnh...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Bài tập:  Trình bày phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 7 | CHƯƠNG 5 PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC Ở TIỂU HỌC  5.1 Cơ sở lựa chọn phương pháp dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học  5.2 Các phương pháp dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học | (02 LT) | 5.1 **Hiểu biết** được cơ sở lựa chọ phương pháp dạy học;  5.2 **Phân tích được nội dung các phương pháp dạy học** | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp đóng vai; trò chơi; thảo luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Tìm hiểu các phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học.  - Chuẩn bị dụng cụ trục quan, tranh ảnh...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thuyết trình các phương pháp dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. | A1 |
| 8 | 5.2 Các phương pháp dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học | (02 LT) | 5.2 **Vận dụng** được các phương pháp dạy học vào thực hành một bài học cụ thể  . | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện. | Phần chuẩn bị bài ở nhà:  - Nghiên cứu trước nội dung các phuwong pháp  - Sách giáo khoa.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV chia sẻ thông tin về các nội dung đã nghiên cứu.  - Phân tích, lấy ví dụ minh họa về phương pháp dạy học môn Đạo đức. |  |
| 9 | 5.3 Sử dụng phương tiện dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học | (02 LT) | 5.3 **Hiểu biết, sử dụng** được các phương tiện dạy học hiện đại; | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu;phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Một số phương tiện, dụng cụ dạy học môn Đạo đức.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Cá nhân sinh viên làm việc độc lập, sử dụng phương tiện dạy học hiện đại. |  |
| 10 | 5.4 Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Đạo đức | (02LT) | 5.2 **Cập nhật được** các văn bản hướng dẫn về kiểm tra đánh giá ở tiểu học. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học gheo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Chia sẻ thông tin nghiên cứu được về các Thông tư hướng dẫn kiểm tra, đánh giá ở tiểu học. |  |
| 11 | 5.4 Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Đạo đức | (02 LT) | 5.4 Vận dụng được vào kiểm tra đánh giá môn Đạo đức ở tiểu học | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn một số câu hỏi, đề kiểm tra.  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Xây dựng đề đề kiểm tra.;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong ra đề, đánh giá học sinh. |  |
| 12 | 5.5 Thực hành dạy học | 2 TH | 5.5 Vận dụng lý thuyết vào dạy học | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 |  | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn giáo án.  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 13 | 5.5 Thực hành dạy học | 2 TH | 5.5 Vận dụng lý thuyết vào dạy học | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 |  | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn giáo án.  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 14 | 5.5 Thực hành dạy học | 2 TH | 5.5 Vận dụng lý thuyết vào dạy học | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 |  | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn giáo án.  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. | A2 |
| 15 | 5.5 Thực hành dạy học | 2 TH | 5.5 Vận dụng lý thuyết vào dạy học | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 |  | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn giáo án.  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - **Ghi nhớ** được nội hàm khái niệm phương pháp dạy học; **biết được** cách thức tổ chức lớp học, thiết kế bài giảng.  **- Phân tích, đánh giá** được các phương pháp dạy học cụ thể trên hai góc độ ưu điểm, hạn chế.  **- Thiết kế được** kế hoạch dạy học.  - **Có tố chất, kĩ năng** dạy học. | CL01 đến CLO7 | Viết hoặc thực hành, vấn đáp | Nội dung thi bao trùm các chương đã học. | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Lương Thị Lan Huệ | 2020 | Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| 2 | Hà Nhật Thăng | 2006 | Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở Tiểu học | NXB Giáo dục, HN |
| 3 | Hà Nhật Thăng | 2001 | Đạo đức và phương pháp giảng dạy | NXB Giáo dục |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Nguyễn Nghĩa Dân | 1998 | Đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức và Giáo dục công dân | NXB Giáo dục Việt Nam. |
| 2 | PGS.TS Nguyễn Hữu Hợp | 2008 | Giáo trình Đạo đức và Phương pháp dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học | NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 3 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2010 | *Sách giáo khoa Đạo đức lớp 1,2,3,4,5* | NXB Giáo dục, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Giảng đường A, C | Bảng, phấn, máy chiếu | 12 | Chương 1 đến chương 5 |

**9. Rubric đánh giá**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |  |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |  |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **50%** |

**Rubric 3: Thuyết trình (Oral Presentation)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Nội dung  báo cáo | Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu. | Nội dung chưa phù hợp vớiyêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng. | Nội dung phù hợp với yêu cầu.  Sử dụng thuật ngữ chưa tốt. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế. | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu.  Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế. | Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. | **50%** |
| Trình  bày slide | Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định | Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm3 phần | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. | **25%** |
| Thuyết  trình | Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu. | Bài trình bày đầy đủ.  Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác  với người nghe khi trình bày. | Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày. | Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu.  Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày. | Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định. | **25%** |

**Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam)**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án thiết kế sẵn.

*Quảng Bình, ngày 13 tháng 6 năm 2024*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **TS. Vương Kim Thành** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **ThS Lương Thị Lan Huệ** |